TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:81/2019/DSST-ST
Ngày: 25/9/2019.
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng + Thế chấp tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Khanh.**

2. Ông **Tôn Phước Thuận.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sáVên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K; địa chỉ: số 40-42-44 Phạm H T, phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người diện theo ủy quyền: Ông Mai Quốc B, chức vụ: Phó phòng KHCN - Chi nhánh An Giang; địa chỉ: số 21 – 22A2, Lý Thái T, phường Mỹ L, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Thanh T; sinh năm 1968; địa chỉ: ấp Nhơn L, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1991 và anh Nguyễn Thái D, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp Nhơn L, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp Nhơn L, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Anh Huỳnh Thanh Phong, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp Nhơn L, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Anh Huỳnh Tấn Dũng, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp Nhơn L, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Cháu Huỳnh Như, sinh năm 2006; địa chỉ: ấp Nhơn L, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp của cháu Như: Bà Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; làm đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không hòa giải được, tại phiên Tòa đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần K ông Mai Quốc B trình bày: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Thanh T có đến Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh An Giang (sau đây viết tắt là Ngân hàng) vay số tiền 80.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2820/HĐTD ngày 28/3/2012, mục đích vay để mua bán lúa gạo, thời hạn vay 12 tháng, ngày giải ngân 28/3/2012, ngày đến hạn 28/3/2013, lãi suất 1,9%/năm, được điều chỉnh 06 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm vay thay đổi lãi suất cộng biên độ 0.84%/tháng. Lãi suất ngay khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng (cùng loại hình và phương thức vay), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn, mức phạt chậm trả lãi 0.1%/ngày, tính trên số tiền lãi chậm nộp và số ngày chậm trả, hình thức trả lãi hàng tháng, trả gốc ngày đáo hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, thì ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Thanh T có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2820/HĐTC ngày 28/3/2012 với đại diện ngân hàng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S354299, số vào sổ 03606/QSDĐ/eB), diện tích 212.70 m^2, trong đó có 7.70 m^2 thuộc HLGT) và tài sản gắn liền với đất, tờ bản đồ số 55, thửa 5, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 09/02/2001 cho ông Nguyễn Thanh H đứng tên quyền sử dụng. Tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Trong quá trình vay vốn, ông H cùng vợ là bà T chỉ thanh toán nợ và lãi cho ngân hàng đến ngày 28/6/2012 với số tiền là 4.611.333 đồng. Khi đến hạn thanh

toán, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở thì ông bà cũng cam kết nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Nguyễn Thanh H cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 12/08/2019, cụ thể: Số tiền gốc 80.000.000 đồng, lãi trong hạn 13.793.689 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 33.769.322 đồng, lãi quá hạn 175.145.533, tổng cộng 302.708.544 đồng. Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 12/8/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2820/HĐTD ngày 28/3/2012 đến khi thanh toán dứt nợ. Tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 25/9/2019 là:

- Nợ gốc: 80.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 13.793.689 đồng.

- Tiền phạt cậm trả lãi: 34.376.244 đồng.

- Lãi qúa hạn: 178.457.267 đồng.

- Tổng cộng: 306.627.200 đồng.

Ngoài ra bà Thủy, ông H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 02/3/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 28/3/2012, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K và ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T, ký hợp đồng tín dụng với số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (từ 28/3/2012 đến ngày 28/3/2013), lãi suất 1,9%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tính trên dư nợ gốc quá hạn, phạt chậm trả 0.1%/ngày tính trên số tiền chậm nộp và số ngày chậm trả. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03606/QSDĐ/eB ngày 09/02/2001 của Ủy ban nhân dân huyên C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H diện tích 212,7m^2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 4.611.333 đồng đến ngày 28/6/2012 thì ngưng. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông H, bà T trả số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2019 bao gồm vốn và lãi còn nợ tổng cộng 306.627.200 đồng, lãi suất theo hợp đồng đã ký kết và xử lý tài sản thế chấp trường hợp ông H, bà T không thanh toán nợ cho ngân hàng. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Phía anh Nguyễn Thái D và chị Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng số 2820/HĐTD ngày 28/3/2012, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với ông H, bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Do ông H, bà V phạm nghĩa vụ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả 306.627.200 đồng, lãi suất theo hợp đồng đã ký kết là phù hợp 471, 474, 476, 715 Bộ luật dân sự năm 2005.

Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TD 2820/HĐTC ngày 28/3/2012, trong đó hộ ông H thế chấp quyền sử dụng đất số 03606/QSDĐ/eB của Ủy ban nhân dân huyện C bảo lãnh số tiền vay 80.000.000 đồng và lãi suất. Hợp đồng thế chấp được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có công chứng tại Văn phòng Công chứng H và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chợ Mới nên Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Theo biên bản thẩm định ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C: Diện tích đất 212,7m^2 do hộ ông Nguyễn Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất, hiện một phần do bà T2 cùng các con quản lý, sử dụng cất nhà tạm trên đất. Tòa án đã đưa bà T2, anh P, anh D1, cháu N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T2 cùng các con đồng ý di dời căn nhà tạm trên đất và căn cứ án lệ số 11/2017/AL ngày 28/12/2017 dành quyền ưu tiên mua tài sản cho bà T2 nếu có nhu cầu.

Riêng, đối với anh D, chị V là người ủy quyền cho ông H, bà T ký thế chấp quyền sử dụng đất, tòa án đã triệu tập anh, chị với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhưng anh, chị vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến, nên không có cơ sở xem xét đến quyền lợi của các anh, chị trong vụ án này.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, đề nghị:

- Công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K và ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

- Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K, số tiền 306.627.200 đồng, lãi suất theo hợp đồng đã ký kết.

- Ngân hàng K được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi số tiền vốn và lãi suất theo hợp đồng đã ký kết.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bà T, ông H và những người có nghĩa vụ liên quan không đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng các ông bà không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà T, ông H yêu cầu trả số tiền vay 80.000.000 đồng, và tiền lãi còn nợ. Đây là tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện C đã thực hiện các thủ tục tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà T, ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H, bà T trả số tiền theo hợp đồng tín dụng nợ số tiền vốn gốc 80.000.000 đồng. Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên cho đến hôm nay ông H bà T không có ý kiến gì. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý, đến nay đã hết hạn nhưng vẫn chưa trả vốn gốc. Do bà T, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền vốn 80.000.000 đồng, đồng là phù hợp Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

Đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 25/9/2019 căn cứ theo quy định yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nghĩ nên chấp nhận. Tính đến ngày 25/9/2019 lãi quá hạn. Tổng cộng vôn và lãi là 306.627.200 đồng, lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất chậm trả được quy định theo hợp đồng cho đến khi ông H, bà T thanh toán toàn bộ khoản tiền vay.

Xét thấy giữa ông H bà T là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên Ngân hàng yêu cầu H, bà T có nghĩa vụ liên đới trả số nợ cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/9/2019 là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Từ những cơ sở trên nghĩ nên buộc ông H, bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn 80.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày 25/9/2019 gồm: Lãi trong hạn 13.793.689 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 34.376.244 đồng, lãi qúa hạn 178.457.267 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 306.627.200 đồng. Trường hợp bà T, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 7 Điều 351 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Thủy, ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ
Các Điều 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự 2005;
Điều 27 luật hôn nhân gia đình năm 2014.
Khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:
Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.
Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vốn 80.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày 25/9/2019 gồm Lãi trong hạn 13.793.689 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 34.376.244 đồng, lãi quá hạn 178.457.267 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 306.627.200 đồng (ba trăm lẽ sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm đồng.
Kể từ ngày 26/9/2019 ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 2820/HĐTD ngày 28/3/2012 cho đến khi ông H, bà T thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại K thì lãi suất mà ông H, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại K theo quết định của Tòa án cũng sẽ được điều chình cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 2820/17/HĐTC ngày 28/3/2012 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích đất thổ cư 212.70m^2, trong đó 7.70 m thuộc HLGT thửa đất số 5 tờ bản đồ số 55 theo giấy nhận số 03606/QSDĐ/aB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 09/02/2001 mang tên ông Nguyễn Thanh H để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền xem xét thẩm định tại chổ 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Án phí dân sự thẩm: Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 15.331.360 đồng (mười lăm triệu ba trăm ba mươi mốt ngàn ba trăm sáu mươi đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP K số tiền 7.231.000 đồng (bảy triệu hai trăm ba mươi mốt ngàn đồng) theo biên lai số 0012899 ngày 11.4.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu.